

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2024/DS-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

T sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa Ân;

2. Ông Hồ Đức Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay T sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A, đường T, tổ B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền (“Giấy ủy quyền” số công chứng 3192, quyển số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2024).

- **Bị đơn:** Ông Trần Anh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số F, đường T, tổ B, khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Minh L có mặt; bị đơn ông Trần Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị M và đại diện theo ủy quyền ông Lê Minh L trình bày:**

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết là hàng xóm với nhau, từ năm 2022 đến năm 2023, ông T có vay tiền của bà M nhiều lần, cụ thể: Vào ngày 17/5/2022, ông T vay số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); ngày 01/6/2022, ông T vay số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); ngày 20/11/2022, ông T vay số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*); ngày 04/5/2023, ông T vay số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Như vậy, tổng số tiền ông T vay của bà M là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Do tin tưởng ông T nên bà M đã cho ông T vay số tiền trên. Khi vay tiền, bà M có viết 04 “Giấy mượn tiền”, bà M viết trên mẫu giấy do bà M đánh máy sẵn và đưa cho ông T đọc và có chữ ký của ông T để làm tin, thời hạn trả tiền vay là 06 tháng kể từ khi ký giấy vay tiền, hai bên không có thỏa thuận lãi suất vay và bà M cũng chưa nhận được bất kỳ số tiền lãi nào. Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán, nhiều lần bà M yêu cầu ông T thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) nhưng ông T cứ hẹn lần hẹn lượt, cố tình lẩn tránh không trả tiền cho bà M.

Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) theo các “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/5/2022, ngày 01/6/2022, ngày 20/11/2022 và ngày 04/5/2023 có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Bùi Thị M và chữ ký, viết tên của người mượn ông Trần Anh T.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà M cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 12/4/2024 của bà M (bản gốc); Căn cước công dân của bà M (bản sao); Các “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/5/2022, ngày 01/6/2022, ngày 20/11/2022 và ngày 04/5/2023 có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Bùi Thị M và có chữ ký, viết tên của người mượn ông Trần Anh T (bản sao); “Giấy ủy quyền” số công chứng 3192, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2024 (bản gốc); Đơn yêu cầu hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại ngày 12/4/2024 của bà M (bản gốc); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao T liệu chứng cứ ngày 12/4/2024 của bà M (bản gốc); Bản tự khai ngày 11/7/2024 và ngày 29/7/2024 của ông L (bản gốc); Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải ngày 29/7/2024 của ông L (bản gốc).

*** Bị đơn ông Trần Anh T:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T, tuy nhiên ông T thường xuyên không có mặt vào ban ngày tại địa chỉ cư trú. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho mẹ ruột của ông T và có cam kết giao lại nhưng phía bị đơn ông T không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

- *Chứng cứ bị đơn ông T cung cấp:* Ông T không cung cấp chứng cứ.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T1:**

Tại Biên bản lấy lời khai đối với bà T1 ngày 11/7/2024: Bà T1 là mẹ ruột của ông T, bà T1 có biết việc ông T có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) như bà M khởi kiện. Tuy nhiên, bà T1 có nghe nói là ông T có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ để cản trừ số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nói trên và số tiền đã cản trừ là khoảng 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nhưng bà T1 không biết cụ thể việc chơi hụi và cản trừ như thế nào. Ông T không tham gia giải quyết vụ án là trước đó ông T có thương lượng việc trả tiền với bà M nhưng không thành, nay ông T phải đi làm thuê và chỉ về nhà vào ban đêm nên không tham gia giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông L có mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay T sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những T liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử, đại diện nguyên đơn ông L có mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà M: Bà M khởi kiện yêu cầu ông T phải trả tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo các “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/5/2022, ngày 01/6/2022, ngày 20/11/2022 và ngày 04/5/2023 có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Bùi Thị M và chữ ký, viết tên của người mượn ông Trần Anh T. Xét thấy, bị đơn ông T có đăng ký thường trú tại địa chỉ số F, đường T, tổ B, khu phố K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ trên (Biên bản xác minh ngày 03/7/2024 với chính quyền địa phương thị trấn D, huyện D) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay T sản”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông L có mặt, bị đơn ông T vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T phải trả tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) theo các “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/5/2022, ngày 01/6/2022, ngày 20/11/2022 và ngày 04/5/2023 có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Bùi Thị M và chữ ký, viết tên của người mượn ông Trần Anh T. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông T tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do; đồng thời ông T cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bị đơn ông T đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) cho nguyên đơn bà M. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Nguyên đơn bà M không yêu cầu ông T phải trả lãi suất, đây là sự tự nguyện của bà M và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay T sản” của bà Bùi Thị M đối với ông Trần Anh T.

1.1. Buộc ông Trần Anh T có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Bùi Thị M tổng số tiền đã vay là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) theo các “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/5/2022, ngày 01/6/2022, ngày 20/11/2022 và ngày 04/5/2023 có chữ ký, viết tên của người cho mượn Bùi Thị M và chữ ký, viết tên của người mượn Trần Anh T.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trần Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

2.2. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000112 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 28/8/2024.

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng